

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường số 01/MT-TĐK ngày 20 tháng 3 năm 2024 và Văn bản số 01/TRINHDANGKHOI ngày 29 tháng 5 năm 2024 về việc giải trình bổ sung nội dung hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường cơ sở "Trang trại chăn nuôi gà hậu bị hướng trứng, quy mô 260.000 con/lứa" tại xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai của Công ty TNHH Trịnh Đăng Khôi và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 277/TTr-STNMT ngày 04 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Trịnh Đăng Khôi, địa chỉ tại số 92/5, KP2, phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Trang trại chăn nuôi gà hậu bị hướng trứng, quy mô 260.000 con/lứa tại xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Trang trại chăn nuôi gà hậu bị hướng trứng, quy mô 260.000 con/lứa.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3603064030 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 7 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 09 tháng 10 năm 2019.

1.4. Mã số thuế: 3603064030.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Trại chăn nuôi gà hậu bị hướng trứng.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở được cấp phép:

- Phạm vi: Diện tích khu đất dự án 24.466,1 m².

- Quy mô: Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất, quy mô chuồng trại: 08 dãy chuồng trại (Tổng diện tích chuồng là 6.768 m²), tương ứng với quy mô 260.000 con/lứa của dự án “Trang trại chăn nuôi gà hậu bị hướng trứng, quy mô 260.000 con/lứa” tại xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Trịnh Đăng Khôi:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Trịnh Đăng Khôi có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(Từ ngày 1/7 tháng 6 năm 2024 đến ngày 1/7 tháng 6 năm 2034).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Trịnh Đăng Khôi;
- Q. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Vĩnh Cửu;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Phi



Phụ lục 1

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 53 /GPMT-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XÁ NUỚC THẢI

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải từ sinh hoạt và hoạt động chăn nuôi sau khi qua hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 12 m³/ngày để xử lý, được lưu chứa trong hồ chứa nước thải sau xử lý (thể tích 100m³) có lót bạt HDPE chống thấm, sau đó tuần hoàn, tái sử dụng toàn bộ cho các hoạt động của trang trại (vệ sinh chuồng trại), không xả thải ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước mưa từ mái tôn công trình được thu gom vào máng thu nước mưa, sau đó được kết nối với mương thoát nước có kích thước B400, B800 dẫn về hồ chứa nước mưa. Nước mưa chảy tràn trên bề mặt nền đường của trang trại chảy vào các hố ga có kích thước 1200 mm x 1200 mm đưa về hồ chứa nước mưa với diện tích 544 m² (thể tích 1.632 m³) sẽ được Công ty tận dụng để tưới cây. Trang trại sẽ bố trí 01 máy bơm 2HP cùng hệ thống ống dẫn HDPE Φ 34 để dẫn nước từ hồ chứa nước mưa tận dụng cho mục đích tưới cây.

- Nước thải từ bể tự hoại của 05 nhà vệ sinh (01 bể tại khu vực nhà nghỉ trưa và nhà ăn công nhân, 02 bể tại khu vực nhà ở công nhân, 02 bể tại 02 khu vực nhà bảo vệ) với tổng thể tích là 25 m³ được thu gom bằng ống nhựa uPVC Ø90mm dẫn nước thải từ bể tự hoại về hồ điều hòa để xử lý chung với các dòng nước thải khác.

- Nước thải từ nhà sát trùng người: Thu gom và dẫn về hồ điều hòa của hệ thống xử lý bằng đường ống nhựa PVC Φ 60 để xử lý.

- Nước thải từ hồ sát trùng xe: Thu gom vào 01 thùng nhựa có thể tích 60l bằng máy bơm sau đó đưa về hồ điều hòa của hệ thống xử lý để xử lý.

- Nước thải chăn nuôi: Nước thải phát sinh từ từng dây chuồng (nước thải từ vệ sinh chuồng trại,...) được dẫn bằng mương bê tông, nắp đậy BTCT tiết diện 500 x 300 mm ở cuối các dây chuồng dẫn tập trung về hồ gom tập trung sau đó đưa vào bể hồ điều hòa rồi bơm lên hệ thống xử lý nước thải công suất 12 m³/ngày bằng đường ống nhựa PVC chịu áp lực có đường kính Φ 60.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → hồ thu gom → hồ điều hòa → bể Aerotank → bể lắng vi sinh → bể khử trùng → Bồn lọc áp lực → Hồ tái sử dụng → tái sử dụng cho vệ sinh chuồng trại.

- Công suất thiết kế: 12 m³/ngày.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Clorine 16,7 kg/tháng; NaOH 66,7 kg/tháng.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống cấp thoát nước, hệ thống xử lý nước thải: Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước, thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất, bố trí máy bơm dự phòng công suất tương đương để thay thế bơm xử lý nước thải khi có sự cố.

- Đối với hệ thống xử lý nước thải: Hệ thống xử lý nước thải khi gặp sự cố thì toàn bộ lượng nước thải phát sinh sẽ được lưu chứa tại hồ thu gom nước thải thể tích 104,04 m³ để lưu chứa trong thời gian > 24 giờ để tạm thời lưu giữ nước thải, chờ khắc phục sự cố xong sẽ bơm nước thải về hệ thống xử lý để tiếp tục xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng và phải bảo đảm đánh giá được hiệu quả của công trình xử lý nước thải theo quy định.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: hệ thống xử lý nước thải công suất 12 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Đầu vào của công trình xử lý nước thải: tại hồ gom nước thải.
- Đầu ra của công trình xử lý nước thải: Nước thải sau bể khử trùng.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: pH, chất rắn lơ lửng, BOD₅, COD, tổng Nitơ, Colifrom.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Trong giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý nước thải sinh hoạt: Công ty không thực hiện lấy mẫu (theo khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải sinh hoạt: 01 ngày/lần (đo đặc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 03 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải sinh hoạt); thông số quan trắc thực hiện theo giấy phép môi trường. Trường hợp bất khả kháng không thể đo đặc, lấy mẫu và phân tích mẫu liên tiếp thì phải thực hiện đo đặc, lấy và phân tích mẫu sang ngày kế tiếp.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của cơ sở, nước thải sau xử lý tái sử dụng vào mục đích vệ sinh chuồng trại phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy chuẩn QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn về nước thải chăn nuôi trước khi tái sử dụng cho hoạt động vệ sinh chuồng trại.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Có biện pháp kiểm soát chất lượng nước thải sau xử lý phải đạt quy chuẩn yêu cầu trước khi tái sử dụng; công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; kiểm soát và theo dõi chặt chẽ lưu lượng nước thải sau xử lý, nước thải tái sử dụng và lượng nước sạch sử dụng; lưu giữ số liệu tại cơ sở và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

3.3. Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật, vận hành theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ; thường xuyên theo dõi, kiểm tra độ an toàn, làm việc của thiết bị máy móc.

3.4. Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát các bể chứa nước thải đầu vào, bể chứa nước thải sau xử lý phục vụ tái sử dụng nhằm kịp thời phát hiện hư hỏng bể chống thấm và thay thế, khắc phục tránh nước thải thấm trực tiếp vào môi trường đất, nước dưới đất.

3.5. Theo dõi, kiểm soát hóa chất, vật liệu sử dụng trong vận hành hệ thống xử lý nước thải đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong xử lý nước thải của cơ sở.

3.6. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất,... vận hành tốt nhất các công trình thu gom, xử lý và tái sử dụng nước thải của trại.



Phụ lục 2

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 53 /GPMT-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XÁ KHÍ THẢI

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do dự án không phát sinh khí thải tại nguồn, không phát sinh bụi, khí thải xả ra môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI

- Thiết kế chuồng trại thông thoáng, bố trí các quạt hút, có hệ thống quạt gió, tấm làm mát để cung cấp đầy đủ lượng không khí và ổn định nhiệt độ, đảm bảo không ảnh hưởng đến quá trình sinh trưởng của heo.
- Xây dựng tường gạch cao xung quanh khu đất dự án để hạn chế mùi hôi thải ra ngoài môi trường xung quanh.
- Tiến hành phun xịt thuốc khử trùng để giảm thiểu mùi hôi, ngăn ruồi nhặng. Sử dụng các chất khử mùi nằm trong Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam, cấm sử dụng ở Việt Nam.
- Trồng cây xanh xung quanh khu vực chuồng trại nhằm tạo dải phân cách, lọc mùi và tăng vẻ mỹ quan.
- Giảm thiểu mùi hôi phát sinh từ quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải hoạt động tốt (đặc biệt là khâu xử lý vi sinh).
- Ứng dụng chế phẩm sinh học để giảm thiểu mùi hôi tại khu xử lý nước thải và nhà phân.
- Thường xuyên phun nước tạo ẩm đường nội bộ để hạn chế bụi phát tán.



Phụ lục 3

BẢO ĐẠM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 53 /GPMT-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn phát sinh sau quạt hút chuồng nuôi số 1;
- Nguồn số 02: Tiếng ồn phát sinh sau quạt hút chuồng nuôi số 2;
- Nguồn số 03: Tiếng ồn phát sinh sau quạt hút chuồng nuôi số 3;
- Nguồn số 04: Tiếng ồn phát sinh sau quạt hút chuồng nuôi số 4;
- Nguồn số 05: Tiếng ồn phát sinh sau quạt hút chuồng nuôi số 5;
- Nguồn số 06: Tiếng ồn phát sinh sau quạt hút chuồng nuôi số 6;
- Nguồn số 07: Tiếng ồn phát sinh sau quạt hút chuồng nuôi số 7;
- Nguồn số 08: Tiếng ồn phát sinh sau quạt hút chuồng nuôi số 8;
- Nguồn số 09: Tiếng ồn phát sinh từ khu vực hệ thống xử lý nước thải;
- Nguồn số 10: Tiếng ồn phát sinh từ máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 01: Tọa độ X: 1.252.881, Y: 432.200;
- Nguồn số 02: Tọa độ X: 1.252.904, Y: 432.208;
- Nguồn số 03: Tọa độ X: 1.252.912, Y: 432.221;
- Nguồn số 04: Tọa độ X: 1.252.924, Y: 432.239;
- Nguồn số 05: Tọa độ X: 1.252.935, Y: 432.254;
- Nguồn số 06: Tọa độ X: 1.252.946, Y: 432.261;
- Nguồn số 07: Tọa độ X: 1.252.950, Y: 432.284;
- Nguồn số 08: Tọa độ X: 1.252.958, Y: 432.346;
- Nguồn số 09: Tọa độ X: 1.252.004, Y: 432.187;
- Nguồn số 10: Tọa độ X: 1.252.988, Y: 432.195.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $107^{\circ}45'$, mũi chiếu 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phát sinh được xử lý không để ảnh hưởng đến khu vực xung quanh theo đúng QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Các máy móc thiết bị được bảo dưỡng bảo trì, thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường lao động.

- Các xe vận chuyển thuộc tài sản của trang trại phải thường xuyên được bảo dưỡng, kiểm tra độ mòn chi tiết thường kỳ, cho dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực để giảm lan truyền tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

- Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.



Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 53 /GPMT-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

- Khối lượng phát sinh: 1.475 kg/năm.

Số thứ tự	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Phân loại chất thải	Số lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	NH	40
2	Pin, ắc qui chì thải	Rắn	19 06 01	NH	15
4	Bao bì mềm thải: bao bì thuốc thú y, hóa chất	Rắn	18 01 01	KS	200
5	Bao bì cứng thải: chai lọ thuốc thú y	Rắn	18 01 03	KS	300
6	Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác như chai lọ thuốc Vaccin bằng thủy tinh	Rắn	18 01 04	KS	150
7	Bao bì cứng thải bằng kim loại (bơm tiêm bằng kim loại)	Rắn	18 01 02	KS	150
8	Chất thải lây nhiễm (kim tiêm)	Rắn	13 02 01	NH	200
9	Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại (Các hóa chất, thuốc thú y, sát trùng hết thời hạn, ống tiêm, kim tiêm,...)	Rắn	13 02 02	KS	200
10	Các loại dầu nhớt thải	Lỏng	17 02 01	NH	70
11	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chứa nêu tại các mã khác), giẻ lau vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	KS	150
TỔNG KHỐI LƯỢNG					1.475

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Khối lượng phát sinh: 155.808 kg/năm

Số thứ tự	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Phân loại chất thải
1	Thiết bị chăn nuôi hỏng (bao bì đựng cám, máng ăn, nút uống, chất thải nhựa, tấm đan, bạt phủ chống thâm,...)	-	1.800	-
2	Phân gà	14 01 12	130.000	TT
3	Gà chết không do dịch bệnh	-	16.250	-
4	Bùn từ bể tự hoại	-	1.533	-
5	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 13	6.097	TT
6	Hộp mực in thải (mực in văn phòng)	08 02 08	7,5	TT
7	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	18 01 05	50	TT-R
8	Nhựa trao đổi ion đã bão hòa hay đã qua sử dụng cho hệ thống xử lý nước cấp	19 09 05	70	TT
TỔNG KHỐI LƯỢNG			155.808	

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Số thứ tự	Tên chất thải	Khối lượng (Tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt nhóm thực phẩm	2,1
2	Chất thải rắn sinh hoạt nhóm tái chế	0,9
3	Chất thải rắn sinh hoạt còn lại	0,65
	Tổng khối lượng	3,65

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa chứa chuyên dụng có nắp đậy dung tích chứa 120 lít.

2.1.2. Khu lưu chứa trong nhà:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 9,2 m² (thuộc nhà rác 19,2 m²).

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: Có mái che, tường bao xung quanh, nền bê tông, có rãnh và hố ga thu gom chất thải lỏng trong thường hợp chảy tràn và bố trí các thùng nhựa có nắp đậy dung tích chứa 120 lít để lưu chứa, phân loại chất thải nguy hại có thực hiện dán nhãn, mã chất thải, dấu hiệu cảnh báo nguy hại để lưu giữ chất thải nguy hại phát sinh tại trại.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Bố trí 01 khu lưu giữ chất thải thông thường 10 m^2 (thuộc nhà rác $19,2\text{ m}^2$).
- Bố trí khu xử lý phân và thành phẩm ở cuối khu vực dãy chuồng trại diện tích 1.000 m^2 để xử lý phân gà và xác gà chết (không do dịch bệnh).
- Thiết kế, cấu tạo của các khu vực lưu chứa chất thải công nghiệp thông thường; khu xử lý phân và thành phẩm: có mái che, tường bao xung quanh, nền bê tông che bằng tôn, có gờ chắn nước mưa chảy tràn vào bên trong.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

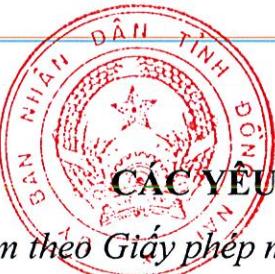
- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, dung tích loại 60 lít và 120 lít đặt trong khuôn viên khu vực nhà ăn và xử lý chất thải sinh hoạt. Hàng ngày nhân viên thu gom vào các thùng dung tích loại 60 lít và 120 lít tại khu chứa tập trung, sau đó được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom tần suất 02 lần/tuần.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định pháp luật.
2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.
3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.



Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 53 /GPMT-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BẢO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG: Không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải; công trình xây dựng của dự án.

2. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định tại Điều 108 và Điều 109 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu và giảm thiểu phát tán mùi hôi đối với dự án; hoàn thành việc trồng cây xanh có tán sau hệ thống quạt hút các chuồng nuôi. Phân sau khi ủ phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trước khi sử dụng cho cây trồng theo quy định tại Điều 59, Luật Chăn nuôi năm 2018 và Chương III, Luật Trồng trọt năm 2018.

4. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án theo quy định.

5. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của dự án; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của cơ sở.

6. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

7. Tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động trong quá trình thực hiện cơ sở theo các quy định của pháp luật hiện hành. Đồng thời tuân thủ thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật hiện hành.

8. Trong quá trình hoạt động nếu cơ sở có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Ủy ban nhân dân xã Phú Lý, Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Cửu, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan.

9. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho cơ sở.

10. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.